



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 05/02/2026 (Thứ Năm)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
2.2	21:40	01:30	↗
3.8	03:01	06:30	↘
0.8	09:55	13:45	↗
3.7	16:39	20:00	↘
2	22:18	02:00	↗
3.6	03:49	07:00	↘

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Hoàng	CNC CHEETAH	10.6	186	31,999	P/s3 - BP7	01:30	Thả neo, tăng cường dây	A1-A6
2	Quân	GREEN PACIFIC	7.8	147	12,545	P/s1 - TCHP	01:30	// 04.00, ttx	01-12
3	V.Hoàng	SHENG LI JI	8.3	172	18,219	P/s1 - CL7	02:00	// 04.00, ttx	A3-A5
4	Giang	JOSCO BRIGHT	8.5	142	9,587	P/s1 - CL1	02:30	// 06.00, ttx	A2-08
5	P.Hải	ANBIEN BAY	8	172	17,515	P/s3 - CL1	09:00	// 12.00;	A2-08
6	Đức - M.Cường	YM CONSTANCY	9.3	210	32,720	P/s3 - CL5	09:30	// 12.30	A1-A6
7	Nghị - Đảo	MAERSK NUSSFJORD	9.2	172	25,805	P/s3 - BNPH	09:30	// 12.30	A2-TM
8	V.Dũng	SKY SUNSHINE	8.6	172	17,853	P/s3 - CL4	10:00	// 13.00;	A3-A5
9	N.Cường - Kiên	EVER OCEAN	9.5	195	29,116	P/s3 - CL4-5	14:30	// 17.30	A1-A6
10	Quang	NIMTOFTE MAERSK	10	172	26,255	P/s3 - CL7	15:30	// 18.30	A2-A5
11	Đ.Toản	MIYUNHE	7.9	183	16,738	P/s3 - BNPH	20:30	// 00.00	A1-A6
12	N.Thanh	HAIAN IRIS	6.2	147	9,963	H25 - TCHP	20:00	// 22.30	01-12
13	N.Dũng	EVER COMMAND	9.5	172	18,658	P/s3 - CL1	21:00	// 24.00	A2-A3
14	N.Chiến	KMTC BANGKOK	9.5	173	18,318	P/s3 - CL4	22:00	// 01.00	A3-A5
15	A.Tuấn - Anh	GSL AFRICA	9.9	200	27,213	P/s3 - CL4-5	01:30	Cano DL	A1-A6
16	Quyển	SON TRA 126	6.3	100	4,332	H25 - CanGio	15:30	ĐX	
17	Duy	VIET THUAN 56	6.8	107	3,898	H25 - CanGio	15:30	ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Trung - N.Dũng	YM WISDOM	13	367	151,451	P/s3 - CM3	02:30	Y/c MP; DL	MR-KS-AWA
2	Duyệt - Chương	HMM SAPPHIRE	13.7	336	126,943	CM3 - P/s3	02:30	MP	MR-KS-AWA
3	N.Trường	HOLLY	2.5	57	399	P/s1 - CM1	07:30		Lai gỗ
4	B.Long	HAIAN DELL	8.7	172	17,280	CM2 - P/s3	10:30	MT	MR-AWA

5	Nhật - Duyệt	ZIM CORAL	12.2	272	74,693	P/s3 - CM2	22:30	Y/c MT	MR-AWA
6	Chính	HOLLY	3	57	399	CM1 - P/s2	18:00		Lai gỗ
7	Hà - P.Thùy	COSCO SPAIN	11	366	154,592	CM4 - P/s3	22:30	MP; VTX	A10-H2-STA3
STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Minh	ASL TAIPEI	8.4	172	18,724	CL5 - P/s2	00:30	ttx	A1-A6
2	Đặng	MILD CHORUS	8.7	148	9,994	TCHP - P/s2	01:00	ttx, SR	01-12
3	Đ.Minh - Uy	STAR 26	3.5	111	3,640	CanGio - H25	00:00		
4	H.Thanh	HAI TIAN LONG	4.5	98	3,609	CL7 - H25	05:30		A3-08
5	V.Tùng	ERASMUS LEO	9.6	172	20,920	CL1 - P/s3	05:00		A2-A5
6	Vinh	CEBU	9.2	172	18,491	BNPH - P/s3	07:00		A3-A5
7	N.Tuấn	JIN JI YUAN	7.9	190	25,700	CL4-5 - P/s3	12:00		A3-A6
8	M.Tùng	JOSCO BRIGHT	8	142	9,587	CL1 - P/s3	12:00		A2-08
9	P.Cần	SITC SHANGDE	8.1	172	18,724	CL5 - P/s3	12:30		A2-TM
10	P.Hung	KANWAY LUCKY	7.9	172	18,526	CL3 - P/s3	12:00		A5-SG98
11	Th.Hùng	SHENG LI JI	9.2	172	18,219	CL7 - P/s3	18:30		A3-A5
12	P.Tuấn	MAERSK NUSSEFJORD	8.5	172	25,805	BNPH - P/s3	00:00		A1-A6
13	Tân	ANBIEN BAY	9.1	172	17,515	CL1 - P/s3	00:00		A2-08
14	V.Hải	GREEN PACIFIC	9.5	147	12,545	TCHP - H25	18:30		01-12
15	K.Toàn	STARSHIP JUPITER	10.2	197	27,997	BP6 - P/s3	14:00	ĐX	A3-A5
STT	Hoa tiêu	Tàu dời	M.n	C.đài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	K.Toàn	STARSHIP JUPITER	10.2	197	27,997	CL4 - BP6	12:30		A3-A5
2	Đ.Chiến	CNC CHEETAH	10.6	186	31,999	BP7 - CL3	12:30	Y/c MT	A1-A6